

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày: 20-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh năm 1991; Nơi sinh: tại An Giang; Nơi ĐKKHKT: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 08/12; con ông Lê Văn K, sinh năm 1951 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1952; anh chị em ruột có 10 người, bị cáo là người nhỏ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Đinh Ngọc Phối P, sinh năm 1994 và hai người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại ấp H, sau đó chuyển đến ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, học đến lớp 8 thì nghỉ học, sống bằng nghề làm thuê.

+ Ngày 24/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản”, đến ngày 07/4/2020 chấp hành án xong.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo Lê Văn H bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Nguyễn Thành K1, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, C, An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phan Y L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số B khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh Phan Văn V, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, C, An Giang.

2. Anh Trương Văn H2 (T), sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 22/10/2023, Lê Văn H đi bộ từ nhà ra đồng đến bờ kênh S thuộc ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, H phát hiện xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 của Nguyễn Thành K1 dựng cặp bờ kênh, không có người trong giữ, nên H đi đến lén lút lấy trộm xe mô tô biển số: 67H8 - 7418, câu điện khởi động xe đem đến khu vực bờ kênh Tùng Đỗ thuộc ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang cách nơi lấy trộm xe khoảng 01 km cất giấu. Khoảng 10 giờ ngày 24/10/2023, H đi đến nơi cất giấu xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 lấy xe điều khiển ra thị trấn A để tìm chỗ bán. Khi H điều khiển xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 đến khu vực ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang thì bị lực lượng Công an xã H tuần tra, phát hiện nên giữ H cùng xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C điều tra, xử lý. Riêng, Khi phát hiện mất trộm xe nên đến Công an xã V trình báo.

* Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số: 67H8 - 7418, nhãn hiệu: Wazelet, số loại: 110, màu sơn: đỏ, số máy: 1P53FMH10035581, số khung: LF3XCHHM31A030006 (đã trả cho bị hại Nguyễn Thành K1).

Tại kết luận định giá số 61/KL.HĐ ngày 26/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số: 67H8 - 7418, nhãn hiệu: Wazelet, số loại: 110, màu sơn: đỏ, số máy: 1P53FMH10035581, số khung: LF3XCHHM31A030006, đã qua sử dụng, có giá trị là 16.000.000 đồng x 20% = 3.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 3.200.000 đồng. (Bút lục số: 64)

Ngày 02/11/2023, Lê Văn H bị khởi tố để điều tra.

Tại cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 30/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố để xét xử bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm

cấp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thành K1 trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Khoảng tháng 02/2023, Khi mua xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 của Phan Văn V với giá 3.700.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi mua xe thì Khi có đem xe đến tiệm sửa xe của Trương Văn H2 thay thế mới một số phụ tùng. Khi đã nhận lại xe mô tô biển số: 67H8 - 7418, không yêu cầu bồi thường gì thêm. (Bút lục số: 03 - 04, 32 - 35)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Y L trình bày: Xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 trước đây là tài sản do L đứng tên sở hữu, sau đó L đã bán xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 lại cho người khác, không nhớ rõ họ tên, địa chỉ, chưa làm thủ tục sang tên. (Bút lục số: 101 - 102)

Những người làm chứng Phan Văn V trình bày: Khoảng tháng 01/2023, V mua xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 của Lê Văn T1 (không rõ địa chỉ) với giá 3.700.000 đồng để làm phương tiện đi lại, chưa làm thủ tục sang tên. Khoảng tháng 02/2023, V bán xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 cho Khi với giá 3.700.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên (Bút lục số: 38 - 39);

Trương Văn H2 trình bày: Khoảng tháng 02/2023, Khi có đem xe mô tô biển số: 67H8 - 7418 đến tiệm sửa xe của H2 thay thế mới một số phụ tùng. (Bút lục số: 36 - 37)

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ (ngày 24/10/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại Nguyễn Thành K1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Y L, những người làm chứng Phan Văn V, Trương Văn H2 (Tội) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và những tình tiết vụ án đã nêu.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình, lo cho hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thành K1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Y L; những người làm chứng Phan Văn V, Trương Văn H2 (T) đã được triệu tập hợp lệ những vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Văn H khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, đặc điểm các tài sản bị mất trộm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng lúc chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67H8-7418 không người trông coi, tranh thủ sơ hở của chủ sở hữu tài sản, trong lúc thấy vắng người, không ai chú ý, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản, tổng trị giá là 3.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị

xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo là người khỏe mạnh, có đủ điều kiện, khả năng lao động kiếm tiền nuôi sống bản thân và gia đình, bị cáo có thể chọn việc làm chân chính để tạo thu nhập vừa nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình, nhưng bị cáo đã không làm được việc này.

Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 24/4/2019, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy và Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 07/4/2020 chấp hành án xong.

Lẽ ra, sau khi được cải tạo, bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân tốt, giúp ích cho xã hội, nhưng ngược lại với bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không cần tốn công sức, bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra, bị cáo đã tranh thu sơ hở, mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý tài sản nên lén lút cố ý lấy trộm xe mô tô, câu dây điện làm xe nổ máy rồi điều khiển xe đi cất giấu. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới phù hợp tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Qua đó, cũng nhằm mục đích giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này đang diễn ra phổ biến tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn chưa cao, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Phía bị hại đã nhận lại tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số: 67H8 - 7418, nhãn hiệu: Wazelet, số loại: 110, màu sơn: đỏ, số máy: 1P53FMH10035581, số khung: LF3XCHHM31A030006 đã trả cho bị hại Nguyễn Thành K1 là phù hợp và đúng quy định;

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn H và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 01 (Một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/10/2023).

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thảo

Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Hà Thị Mỹ Linh

